

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/03/2023

V/v L hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Dung

2. Bà Đinh Thị Út

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 27/03/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc “L hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L – Sinh năm 1983

Trú tại: Bản C2, xã CC, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bàn Văn H – Sinh năm 1983

Trú tại: Bản C1, xã CC, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Bàn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến ngày 25 tháng 9 năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện Bảo Yên. Sau khi đăng ký kết hôn chị L và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H và chị L không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về phương hướng làm ăn kinh tế gia đình. Mặt khác anh H không quan tâm đến gia đình dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau. Sự việc đã được gia đình bên chồng và hàng xóm khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng anh chị không khắc phục được.

Từ năm 2011 chị L và anh H đã L thân, từ đó anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không thể tiếp tục chung sống với chị L khởi kiện yêu cầu được L hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung:

1. Cháu Bàn Ngọc S – Sinh ngày 19 tháng 5 năm 2003;
2. Cháu Bàn Văn T– Sinh ngày 02 tháng 10 năm 2001.

Các cháu đã trưởng T (Trên 18 tuổi) chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không tham gia phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết L hôn anh Bàn Văn H. Anh H cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “L hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến hai vợ chồng anh chị thường xuyên bất hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L đã cung cấp được chứng cứ xác định được anh cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh H không hạnh phúc. Chị L và anh H đã L thân từ năm 2011 đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Cần chấp nhận yêu cầu L hôn của chị L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định
Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản

4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đặng Thị L được L hôn anh Bàn Văn H.

2. Về án phí:

Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí L hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001563 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Chị L đã nộp đủ án phí L hôn.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

TV HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Dung – Đình Thị Út

Vũ Quang Đại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã CC;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Quang Đại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã CC;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Quang Đại

